

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 01 – 2022

“V/v ly hôn giữa
chị H và anh S”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh T
2. Bà Nguyễn Thị Kim C

- Thư ký phiên tòa: ông Trần N là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến D – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 290/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 04, ấp Mỹ Hóa 1, xã T Trung, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Thông qua mai mối, năm 2008 chị và anh Nguyễn Minh S đồng ý kết hôn, năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Phú T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 08/4/2009. Sau khi cưới anh chị sống bên nhà chồng thuộc xã Phú Hưng, huyện Phú T, tỉnh An Giang, lúc này chị mới biết anh S cờ bạc gây nợ nần, chị phải trả nợ, nhiều lần chị khuyên anh S lo làm ăn, nhưng anh không nghe. Sống bên nhà chồng không có công ăn việc làm, nên đầu năm 2009 chị và anh S về nhà cha mẹ ruột ở, cha mẹ cho ở nhờ mái trại cập nhà và cho anh chị làm tiệm rửa xe nhưng không đủ sống. Năm 2010 anh chị đến tỉnh Bình Dương làm công nhân, anh S không sửa đổi tiếp tục cờ bạc, một mình chị làm nuôi con. Đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do anh S vẫn cờ bạc, gây nợ nần. Đến tháng 12/2021 chị sinh con thứ H được H tháng tuổi chị trở về quê ở nhà cha mẹ ruột, anh S ở Bình Dương. Từ tháng 4/2021 đến nay anh chị ly thân. Chị nhận thấy sống với anh S không có tương lai, nên quyết định ly hôn và có thông tin cho anh S biết, anh S trả lời chị muốn làm gì thì làm. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

+ Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Khánh Băng, sinh ngày 13/7/2009; Nguyễn Ngọc Khánh Nghi, sinh ngày 11/02/2021, từ lúc ly thân đến nay chị nuôi con, chị yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con, vì anh S không có khả năng cấp dưỡng.

+ Về Ca tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 11/11/2021 chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có lời KH và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo chị H trình bày, mâu thuẫn vợ chồng nêu trên có cha ruột Nguyễn Văn Giúp và cha chồng Nguyễn Minh Quang biết.

Tại biên bản lấy lời KH ngày 11/11/2021 của Tòa án, ông Giúp trình bày, do S không lo làm ăn, mà chơi cờ bạc, nên đầu năm 2009 H về nhà ông và S đi theo sống chung, thấy vậy ông cho vợ chồng ở mái trại cập nhà để làm nghề rửa xe, S vẫn chơi cờ bạc và làm không đủ sống. Năm 2010 vợ chồng đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, S vẫn không sửa đổi, vẫn cờ bạc. Khi H sinh con thứ H được H tháng tuổi (tháng 4/2021) không có tiền mới trở về nhà ông nuôi, còn S không về, không quan tâm vợ con, không liên lạc, từ tháng 4 năm 2021 đến nay vợ chồng ly

thân. Ông đề nghị Tòa án cho H ly hôn S, vì S cờ bạc gây nợ nần H phải trả nợ, mặc dù nhiều lần H khuyên ngăn nhưng S không sửa đổi, vợ chồng sống không hạnh phúc.

Tại Biên bản lấy lời KH ngày 06/12/2021 của Tòa án, ông Nguyễn Minh Quang trình bày vợ chồng chị H, anh S ở nhà ông vài tháng rồi về bên nhà vợ sống đến nay. Việc mâu thuẫn vợ chồng ông không biết, khi chị H cho biết ly hôn anh S thì ông mới biết. C H và anh S ly hôn ông không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng anh Nguyễn Minh Snag đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh S chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim H; về nuôi con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Khánh Băng, sinh ngày 13/7/2009; Nguyễn Thị Khánh Nghi, sinh ngày 11/02/2021 cho chị H nuôi dưỡng, chị H không có yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con nên anh S không phải cấp dưỡng; chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh S, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ H nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân của chị H và anh S là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng đầu năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn do anh S cờ bạc gây nợ nần, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không hàn gắn, cha chị H đề nghị Tòa án cho ly hôn, chị H cương quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị H và anh S.

[2.2] Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Khánh Băng, sinh ngày 13/7/2009; Nguyễn Ngọc Khánh Nghi, sinh ngày 11/02/2021, chị H nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay các cháu có cuộc sống ổn định, cháu băng đã trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi 02 con Khánh Băng, Khánh Nghi. Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, nên không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả H bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[2.4] Về Ca tài sản: chị H KH không có, nên không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị H và anh S thì H bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Minh S. Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 08/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Phú T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Khánh Băng, sinh ngày 13/7/2009; Nguyễn Ngọc Khánh Nghi, sinh ngày 11/02/2021 cho chị H trực tiếp nuôi, chị H đang nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng cho con.

Anh S không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả H bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về Ca tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị H và anh S thì H bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004096 ngày 09/11/2021 của C cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Chị Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- C cục THADS H. Phú T;
- UBND xã Phú Hưng, H. Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim P